

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 07/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 12-5-2020.

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
chia tài sản khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Tấn Phát;
2. Ông Lữ Thanh Tùng.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Tiểu Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 22/2020/TLST-HNGĐ ngày 04-02-2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27-4-2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Y, sinh năm 1977;

Địa chỉ cư trú: Đường CMTT, khu phố M, Phường B, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh; Có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh S, sinh năm 1974;

Địa chỉ cư trú: Đường CMTT, khu phố M, Phường B, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh; Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20-01-2020, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Y trình bày:

Chị và anh S tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1997, đến năm 2004 anh chị mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, thị xã TN (nay là thành phố Tây Ninh), tỉnh Tây Ninh. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường, đến năm 2005 anh S bắt đầu có quan hệ tình cảm với nhiều người phụ nữ khác kéo dài cho đến nay nên tình cảm vợ chồng bị rạn nứt. Khoảng 03 năm trở lại đây tuy sống chung nhà với anh S nhưng vợ chồng không ngủ chung với nhau. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Sang.

Về con chung: Chị và anh S có 02 con chung tên là Nguyễn Thị Yên N, sinh ngày 09-10-1998 và Nguyễn Hoài B, sinh ngày 09-3-2005. Cháu N đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu B, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về nợ chung: Không có.

Về tài sản chung: Theo đơn khởi kiện ngày 20-01-2020 chị yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung vợ chồng gồm có nhà, đất tại Phường B, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh; 01 phần đất tại xã BN, huyện DMC, tỉnh Tây Ninh, 01 xe mô tô SH, 01 xe ô tô KIA. Đến ngày 21-02-2020, chị Y làm đơn xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng để anh chị tự thỏa thuận với nhau.

Tại phiên tòa chị giữ nguyên ý kiến trình bày nêu trên.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 25-02-2020, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Thanh S trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị Y về thời gian chung sống, kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường, đến khoảng tháng 12-2019 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị Y hay ghen tuông, cho rằng anh không quan tâm, chăm sóc, chăm lo kinh tế cho gia đình. Trước đây anh thừa nhận có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác khiến vợ chồng gây gổ với nhau nhưng hiện nay anh đã chấm dứt mối quan hệ. Anh không đồng ý ly hôn với chị Y vì con chung chưa trưởng thành, chưa lập gia đình, chuyện vợ chồng anh có thể tự giải quyết trong gia đình.

Về con chung: Anh thống nhất có 02 con chung như chị Y trình bày. Trường hợp ly hôn cháu B theo ai thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

*** Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:**

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Nguyên đơn đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Về nội dung: Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 217, 218, 219, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Y.

Cho ly hôn giữa chị Trần Thị Y và anh Nguyễn Thanh S. Con chung Nguyễn Thị Yến N đã thành niên, không đặt ra giải quyết; giao con chung Nguyễn Hoài B, sinh ngày 09-3-2005 cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận chị Y không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Về nợ chung không đặt ra giải quyết. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Y về việc chia tài sản khi ly hôn với anh S.

Chị Y phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí chia tài sản khi ly hôn cho chị Y.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Trần Thị Y khởi kiện yêu cầu ly hôn, được quyền nuôi con chung, chia tài sản chung đối với anh Nguyễn Thanh S trú tại Phường B, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh. Do vậy xác định quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn*” và Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh Tây Ninh có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Nguyễn Thanh S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật tại Khoản 1 Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Y và anh S tự nguyện chung sống vào năm 1997, có đăng ký kết hôn vào năm 2004 tại Ủy ban nhân dân Phường B, thị xã TN (nay là thành phố TN), tỉnh Tây Ninh. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xem xét mâu thuẫn vợ chồng: Anh S thừa nhận trước đây có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, hiện nay anh đã chấm dứt mối quan hệ này; do chị Y hay ghen tuông nên vợ chồng mới gây gổ với nhau. Anh yêu cầu được đoàn tụ vợ chồng nhưng tại phiên họp chứng cứ, hòa giải ngày 27-3-2020 và tại phiên tòa anh S đều vắng mặt cho thấy anh chưa có thiện chí và biện pháp tích cực để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đồng thời chị Y vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh Sang, khoảng 03 năm trở lại đây chị đã sống ly thân với anh Sang.

Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Y và anh S đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên có căn cứ chấp nhận cho chị Y ly hôn với anh S theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về con chung: Chị Y và anh S có 02 con chung tên là Nguyễn Thị Yên N, sinh ngày 09-10-1998; Nguyễn Hoài B, sinh ngày 09-3-2005. Cháu N đã thành niên nên không đặt ra giải quyết.

Trường hợp ly hôn, cháu B có nguyện vọng được sinh sống cùng chị Y, phù hợp với ý kiến của anh S nên cần giao cháu B cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ghi nhận chị Y không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Y xin rút lại yêu cầu khởi kiện về vấn đề tài sản chung vợ chồng khi ly hôn. Việc rút đơn này của chị Y là hoàn toàn tự nguyện; mặt khác anh S cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với phần tài sản chung của vợ chồng. Do vậy Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu giải quyết về việc chia tài sản khi ly hôn của chị Y. Dương sự có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết lại vấn đề chia tài sản chung vợ chồng theo quy định pháp luật.

Về nợ chung: Chị Y xác định không có nợ chung và anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị Trần Thị Y phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí về yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng cho chị Y.

[4] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 217, 218, 219, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Y về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” đối với anh Nguyễn Thanh S.

1.1. Cho ly hôn giữa chị Trần Thị Y và anh Nguyễn Thanh S.

1.2. Về con chung: Con chung Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 09-10-1998 đã thành niên nên không đặt ra giải quyết.

Giao con chung tên là Nguyễn Hoài B, sinh ngày 09-3-2005 cho chị Trần Thị Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị Y không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật mà không ai được cản trở.

1.3. Về tài sản chung: Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Y về việc chia tài sản khi ly hôn đối với anh Nguyễn Thanh S.

Đương sự được quyền khởi kiện đối với yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng theo quy định pháp luật.

1.4. Về nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị Y phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí khởi kiện chị đã nộp là 14.050.000 (Mười bốn triệu không trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu số 0002225 ngày 04-02-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TN, tỉnh Tây Ninh. Hoàn trả cho chị Trần Thị Y số tiền 13.750.000 (Mười ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án./.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV-TAND tỉnh TN;
- VKSND TPTN;
- CCTHADS TPTN;
- UBND P.IV, TPTN;
- Dương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Bùi Thị Liên